

Số: 215/QĐ-ĐHNT

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Ngoại thương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 02/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐHTN giai đoạn 2015 – 2017, Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp CP thường kỳ tháng 10 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-ĐHNT-SĐH ngày 25/03/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHTN về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐHTN và Quyết định số 572/QĐ-ĐHNT ngày 05/4/2018, Quyết định số 345/QĐ-ĐHNT ngày 22/2/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHTN về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 362/QĐ-ĐHNT ngày 25/3/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHTN;

Căn cứ Quyết định số 2751/QĐ-ĐHNT ngày 09/10/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHTN về việc ban hành Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 04 tháng 09 năm 2019;

Xét đề nghị của các Ông/ Bà Trường Khoa Sau đại học, Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Trường Khoa Luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế theo định hướng ứng dụng, mã số: 8380107 của Trường Đại học Ngoại thương (Có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chương trình đào tạo được áp dụng đối với học viên cao học trúng tuyển từ năm 2019.

Điều 3. Các Ông/ Bà Trường Khoa Sau đại học, Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trường Khoa Luật, Trưởng các Viện/ Khoa, Phòng, Bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GD và ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
- Lưu VT, K. Luật, K. ĐHTN.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-ĐHNT ngày 21 tháng 02 năm 2017 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương)

Tên chương trình tiếng Việt: Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành
Luật Kinh tế

Tên chương trình tiếng Anh: Master in Economic Law

Tên viết tắt của chương trình: Thạc sĩ LKT

Nhóm ngành/ ngành: Luật/ Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

Định hướng: Ứng dụng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Thời gian đào tạo: 18 tháng, học các ngày trong tuần và/ hoặc thứ Bảy, Chủ
nhật

Thời điểm thiết kế/ ban hành lần đầu: Quyết định số 199/QĐ-ĐHNT ngày
21/02/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương về việc ban hành
Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật Kinh tế.

Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung: lần thứ 1

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình cung cấp các kiến thức lý luận và thực tiễn và các kỹ năng cần thiết để học viên có thể trở thành chuyên gia trong lĩnh vực luật kinh tế, chuyên sâu kinh doanh quốc tế; có khả năng làm việc độc lập hoặc lãnh đạo tại các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tại các doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, các cơ quan tư pháp và các cơ quan xây dựng pháp luật; có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật trong hoạt động kinh tế, kinh doanh quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực phục vụ cho tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

Học viên được trang bị kiến thức khoa học pháp lý về kinh tế, chuyên sâu luật kinh doanh quốc tế. Cụ thể:

- + Nhóm kiến thức về nguyên lý của pháp luật kinh tế;
- + Nhóm kiến thức về hình thức tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp;
- + Nhóm kiến thức về pháp luật hợp đồng, giao dịch hợp đồng;
- + Nhóm kiến thức về pháp luật đầu tư và đầu tư quốc tế;
- + Nhóm kiến thức về các phương thức giải quyết tranh chấp và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế;
- + Nhóm kiến thức bổ trợ cho pháp luật kinh tế và pháp luật kinh doanh quốc tế.

- **Kỹ năng**

Hình thành và phát triển kỹ năng hoạt động thực tiễn của học viên sau khi tốt nghiệp, cụ thể:

- + Tham gia vào các thủ tục tố tụng kinh tế, thương mại;
- + Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại quốc tế;
- + Kỹ năng tư vấn về thương mại, đầu tư quốc tế;
- + Tham gia giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế;
- + Đọc hiểu các báo cáo, các bài viết bằng tiếng Anh về các chủ đề liên quan đến luật kinh tế; diễn đạt được bằng tiếng Anh trong các tình huống chuyên môn thông thường; viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn bằng tiếng Anh; trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng tiếng Anh.

- **Trình độ và năng lực chuyên môn (lý thuyết, thực hành)**

Học viên sau khi tốt nghiệp sẽ có được những năng lực sau:

- + Có năng lực tư duy tổng hợp và nắm vững kiến thức về Luật Kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế;
- + Có khả năng phân tích, vận dụng các quy định của pháp luật điều chỉnh các hoạt động kinh tế và kinh doanh quốc tế;
- + Có phương pháp tiếp cận hiện đại và tư duy pháp lý hiện đại để giải quyết những vấn đề phát sinh các hoạt động kinh tế và kinh doanh quốc tế;
- + Có khả năng phân tích tình huống, giải quyết tranh chấp trong thương mại và kinh doanh quốc tế.

- **Vị trí hay công việc có thể đảm nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Luật Kinh tế, chuyên sâu Luật Kinh doanh quốc tế, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm nhiều cương vị công việc khác nhau như:

+ Nhóm 1: làm việc tại các cơ quan Nhà nước ở Trung ương và địa phương trong các công việc liên quan đến quản lý kinh tế, hội nhập quốc tế dưới góc độ của pháp luật như tại các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng chính phủ, các cơ quan tòa án, viện kiểm sát...;

+ Nhóm 2: làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn trong các công ty, văn phòng luật; chuyên viên pháp chế trong các doanh

nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực chuyên môn cao trong lĩnh vực luật kinh doanh quốc tế;

+ Nhóm 3: làm việc cho các tổ chức quốc tế liên chính phủ, phi chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế khác;

+ Nhóm 4: giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật kinh tế, đặc biệt là luật kinh doanh quốc tế như các trường đại học, các viện nghiên cứu, các trung tâm đào tạo và nghiên cứu.

2. Chuẩn đầu ra mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế, học viên có thể:

2.1. Kiến thức

(1). Giải thích các nguyên lý và học thuyết cơ bản của pháp luật và pháp luật kinh tế;

(2). Phân tích kiến thức ngành luật kinh tế, đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo;

(3). Đánh giá kiến thức pháp lý và thực tiễn mang tính chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh và thương mại quốc tế.

2.2. Kỹ năng

(4). Đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại, hợp đồng thương mại quốc tế;

(5). Tư vấn về thương mại, đầu tư quốc tế;

(6). Giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong các hoạt động kinh tế, thương mại, thương mại quốc tế;

(7). Thuyết trình, làm việc nhóm;

(8). Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam;

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

(9). Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, chủ động thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao;

(10). Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, năng lực phát huy trí tuệ tập thể để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh tế;

(11). Có khả năng quản lý, đánh giá và có sáng kiến cải tiến các hoạt động chuyên môn của tổ chức;

(12). Có ý thức tuân thủ pháp luật, bảo vệ công lý, lẽ công bằng; có đạo đức nghề nghiệp của luật gia; trung thực, hợp tác và có trách nhiệm trong công việc và với cộng đồng;

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp

(13). Có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn và có khả năng tham gia học tập ở bậc học cao hơn (tiến sĩ, sau tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo luật trong nước và ở nước ngoài;

(14). Có khả năng phát triển nghề nghiệp, đảm nhiệm vị trí chuyên gia và quản lý tại các cơ quan Nhà nước ở Trung ương và địa phương, các cơ quan tư pháp;

(15). Có khả năng trở thành chuyên gia pháp lý, luật sư các công ty, văn phòng luật; các doanh nghiệp; các tổ chức quốc tế liên chính phủ, phi chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế khác;

(16). Có khả năng trở thành giảng viên và nghiên cứu viên tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật kinh tế, đặc biệt là luật kinh doanh quốc tế như các trường đại học, các viện nghiên cứu, các trung tâm đào tạo và nghiên cứu.

3. Yêu cầu đối với người dự tuyển

3.1. Về văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp

Người dự thi tuyển sinh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế cần có một trong các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc phù hợp với ngành Luật bao gồm các ngành sau: Luật, Luật thương mại, Luật kinh tế, Luật kinh doanh, Luật quốc tế, Luật kinh doanh quốc tế, Luật thương mại quốc tế.

- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Luật, bao gồm các lĩnh vực/nhóm ngành/ ngành/ chuyên ngành sau: Khoa học xã hội và hành vi, Kinh doanh và quản lý; Chính trị học; Quốc tế học; Triết học; Quản lý văn hóa; Quản lý đất đai; Quản lý hành chính; Quản lý xây dựng; Quản lý Nhà nước, Quản lý giáo dục, Quản lý công nghiệp, Quản lý đô thị, Quản lý xây dựng, Quản lý du lịch và lữ hành, Quản lý vận tải, Quản lý tài nguyên; Quản trị - Luật, Kinh tế - Luật, Tiếng Anh pháp lý, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế quốc tế, Thương mại quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Quan hệ quốc tế, Quản trị Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán và các ngành/ chuyên ngành đào tạo khác cùng lĩnh vực/ nhóm ngành và đã học bổ sung kiến thức các học phần dưới đây:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Lý luận Nhà nước và Pháp luật	3
2	Luật Dân sự	3
3	Tư pháp quốc tế	3
4	Luật Thương mại	3
5	Pháp luật kinh doanh quốc tế	3
6	Pháp luật thương mại quốc tế	3

3.2. Về kinh nghiệm nghề nghiệp

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc phù hợp với ngành Luật có thể dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học. Những thí sinh còn lại phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác tính đến thời điểm dự thi.

4. Phương thức, môn thi tuyển sinh

4.1. Phương thức tuyển sinh

- Thi tuyển đối với người Việt Nam

- Xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt

Nam.

4.2. Môn thi tuyển sinh

- Áp dụng theo quy định hiện hành về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Ngoại thương.

- Thí sinh được miễn thi môn thi ngoại ngữ nếu thỏa mãn một trong các điều kiện theo quy định hiện hành về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Ngoại thương hoặc có bằng cử nhân chất lượng cao của Trường Đại học Ngoại thương.

5. Điều kiện tốt nghiệp

Tổng thời gian đào tạo là 18 tháng (trường hợp cần thiết có thể gia hạn thêm hai năm).

Học viên hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Ngoại thương.

6. Chương trình đào tạo

6.1. Khái quát chương trình

- Tổng số học phần: 17 học phần
- Tổng số tín chỉ: 61 tín chỉ
- Cấu trúc kiến thức:

	<i>Số học phần</i>	<i>Số tín chỉ</i>
Kiến thức chung:	4	10
Kiến thức cơ sở:	5	15
Kiến thức bắt buộc:	3	9
Kiến thức tự chọn:	2	6
Kiến thức chuyên ngành:	8	29
Kiến thức bắt buộc:	4	17
Kiến thức tự chọn:	4	12
Luận văn:		7

- Yêu cầu của luận văn:

+ Đáp ứng yêu cầu theo Quy chế hiện hành về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Ngoại thương và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Khuyến khích học viên đăng ký đề tài liên quan đến những vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp, tổ chức nơi học viên đang công tác.

6.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Bộ môn phụ trách	Khoa/ Viện phụ trách chuyên môn
Phần chữ	Phần số			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn	Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn		
Phần kiến thức chung (General Knowledge)			10						
TRI	601	Triết học (Philosophy)	4	45	0	45	90	Triết học	Lý luận chính trị
TAN	601	Tiếng Anh (English)	2	30	0	0	60	Tiếng Anh cơ sở	Tiếng Anh chuyên ngành
PLU	613	Kỹ năng viết và phân tích pháp lý (English Legal Writing and Analysis)	2	30	0	0	60	Pháp luật Thương mại quốc tế	Luật
PPH	605	Phương pháp và kỹ năng nghiên cứu luật học (Methods and skills in legal research)	2	20	5	25	40	Pháp luật cơ sở	Luật
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành (Core and Professional Knowledge)			44						
1. Kiến thức cơ sở ngành (Core Knowledge)			15						
1.1. Các học phần bắt buộc (Core courses)			9						
PLU	620	Pháp luật đầu tư (Investment Law)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	619	Pháp luật doanh nghiệp (Enterprise Law)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	618	Pháp luật cạnh tranh (Competition law)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
1.2. Các học phần tự chọn - Chọn 2			6						

Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Bộ môn phụ trách	Khoa/ Viện phụ trách chuyên môn
Phần chữ	Phần số			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn	Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn		
trong số các học phần sau (<i>Elective courses – Select 2 out of the following courses</i>)									
PLU	635	Xung đột pháp luật trong kinh doanh quốc tế (<i>Conflict of laws in international business</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật cơ sở	Luật
PLU	631	Quản trị tuân thủ pháp luật (<i>Corporate compliance</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật cơ sở	Luật
PLU	624	Pháp luật phá sản (<i>Insolvency law</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	628	Pháp luật về lao động có yếu tố nước ngoài (<i>Law on labour relations with foreign elements</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật cơ sở	Luật
PLU	626	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (<i>Law on consumer protection</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật cơ sở	Luật
PLU	627	Pháp luật về kinh doanh bất động sản (<i>Law on Real Estate Busines</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	630	Pháp luật về thương mại điện tử (<i>E-commerce Law</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	601	Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (<i>New generation free trade agreements</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật thương mại quốc tế	Luật

Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Bộ môn phụ trách	Khoa/ Viện phụ trách chuyên môn
Phần chữ	Phần số			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn	Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn		
TMA	609	Giao dịch thương mại quốc tế (<i>International Trade Transactions</i>)	3	30	0	45	60	Giao dịch thương mại quốc tế	Kinh tế và kinh doanh quốc tế
2. Kiến thức chuyên ngành (<i>Professional Knowledge</i>)			29						
2.1. Các học phần bắt buộc (<i>Core courses</i>)			<u>17</u>						
PLU	609	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (<i>Contract for international sale of goods</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	634	Trọng tài và các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (<i>Arbitration and Alternative Dispute Resolution - ADR</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	681	Chuyên đề thực hành 1: Soạn thảo hợp đồng thương mại quốc tế (<i>Drafting International Commercial Contract</i>)	5	10	100	45	70	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	682	Chuyên đề thực hành 2: Trọng tài/ tòa án giả định (<i>Moot Court</i>)	6	12	120	54	84	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
2.2. Các học phần tự chọn - Chọn 4 trong số các học phần sau (<i>Elective courses – Select 4 out of the following courses</i>)			<u>12</u>						
PLU	610	Hợp đồng tín dụng và các biện pháp bảo đảm (<i>Credit agreements and security interests</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật thương mại quốc tế	Luật

Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Bộ môn phụ trách	Khoa/ Viện phụ trách chuyên môn
Phân chữ	Phân số			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn	Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn		
PLU	612	Hợp đồng xây dựng quốc tế (<i>International construction contract</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	605	Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (<i>International Investment Dispute Settlement</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	611	Hợp đồng vận chuyển hàng hóa quốc tế (<i>Contract for international carriage of goods</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	608	Hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế (<i>Insurance contract in international business</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	633	Thương mại hóa các quyền sở hữu công nghiệp (<i>Commercialization of industrial property rights</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật thương mại quốc tế	Luật
PLU	616	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (<i>Merger and Acquisition</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Luật
PLU	629	Pháp luật về thương mại dịch vụ (<i>Law on Trade in Services</i>)	3	30	0	45	60	Pháp luật thương mại quốc tế	Luật
TCH	609	Tài chính quốc tế (<i>International Finance</i>)	3	30	0	45	60	Tài chính quốc tế	Tài chính-Ngân hàng
QTR	605	Lãnh đạo trong môi	3	30	0	45	60	Quản trị	Quản trị

Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Bộ môn phụ trách	Khoa/ Viện phụ trách chuyên môn
Phần chữ	Phần số			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn	Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn		
		trường toàn cầu (<i>Leadership in a Global Context</i>)					nguồn nhân lực	kinh doanh	
Luận văn thạc sĩ (<i>Master Thesis</i>)			7						
Tổng cộng (<i>Total</i>)			61						

6.3. Đề cương của các học phần: Xem Phụ lục 1 – ThS - LKT

7. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra: Xem Phụ lục 2 – ThS - LKT

8. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học và cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo: Xem Phụ lục 3 – ThS - LKT

9. Lý lịch khoa học của giảng viên, nhà khoa học: Xem Phụ lục 4 – ThS - LKT

10. Học liệu phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo: Xem Phụ lục 5 – ThS - LKT

11. Nghiên cứu khoa học, đề tài luận văn: Xem Phụ lục 6 – ThS - LKT

12. Tổ chức, quản lý và kế hoạch đào tạo

12.1. Tổ chức và quản lý đào tạo: thực hiện theo quy định hiện hành về đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Ngoại thương.

Địa điểm đào tạo: tại trụ sở (Hà Nội), cơ sở II TP. Hồ Chí Minh, một số học phần có thể tổ chức tại cơ sở Quảng Ninh và/ hoặc tại các địa phương khác.

12.2. Kế hoạch đào tạo: xem Phụ lục 7- ThS - LKT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NGOẠI THƯƠNG

PGS, TS Bùi Anh Tuấn